

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI NINH BÌNH

GIÁO TRÌNH

MÔ - ĐUN: PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG/TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCDCGNB ngày.....tháng....năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình*

Ninh Bình, năm 2018

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được pháp dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

MỤC LỤC

Bài 1: Một số tìm hiểu chung về phát triển cộng đồng

1. Khái niệm chung
2. Lịch sử hình thành và phát triển của phát triển cộng đồng
3. Quan điểm, nguyên tắc hành động trong phát triển cộng đồng
4. Đặc điểm phát triển cộng đồng tại Việt nam

Bài 2: Tiến trình tổ chức trong phát triển cộng đồng

1. Chọn cộng đồng
2. Hội nhập cộng đồng
3. Xây dựng và bồi dưỡng
4. Tìm hiểu và phân tích về cộng đồng
5. Hình thành ban điều hành và lập kế hoạch hành động
6. Vận động, phát huy tiềm năng nhóm
7. Rút kinh nghiệm, lượng giá
8. Liên kết các nhóm hành động
9. Chuyển giao giai đoạn

Bài 3: Thực hành một số kỹ năng phát triển cộng đồng

1. Thực hành kỹ năng đặt câu hỏi, giải quyết vấn đề, lắng nghe
2. Đánh giá cộng đồng có sự tham gia (PRA)
3. Nghiên cứu phát triển dựa vào nội lực cộng đồng (ABCD)

Bài 4: Dự án và quản lý dự án.

1. Tiến trình xây dựng và thực hiện dự án phát triển cộng đồng
2. Quản lý dự án

LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển cộng đồng là những tiến trình qua đó nỗ lực của dân chúng kết hợp với nỗ lực của chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá của các cộng đồng và giúp các cộng đồng này hội nhập và đồng thời đóng góp vào đời sống quốc gia.

Mô - đun: Phát triển cộng đồng được biên soạn theo chương trình dạy nghề trình độ Cao đẳng; Trung cấp nghề Công tác xã hội của Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình, gồm 4 bài:

Bài 1: Những vấn đề cơ bản của phát triển cộng đồng

Bài 2: Tổ chức các hình thức hoạt động trong phát triển cộng đồng

Bài 3: Phương pháp đánh giá cộng đồng có sự tham gia

Bài 4: Dự án và quản lý dự án

Giáo trình Phát triển cộng đồng đã được Hội đồng thẩm định Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình xét duyệt.

Tuy nhiên trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sai sót, rất mong được sự đóng góp quý báu chân thành của bạn đọc.

Nhóm biên soạn:

Lê Hùng Cường

Vũ Ánh Dương

GIÁO TRÌNH MÔ - ĐUN

Tên mô đun: Phát triển cộng đồng

Mã mô đun: MĐ 22

Vị trí, tính chất, vai trò và ý nghĩa của môđun:

- Vị trí : Là mô đun lý thuyết chuyên môn nghề bắt buộc quan trọng của chương trình đào tạo Cao đẳng và Trung cấp nghề Công tác xã hội liên quan tới trang bị nghiệp vụ của tác viên cộng đồng

- Tính chất: Là mô đun lý thuyết chuyên môn nghề bắt buộc.

Mục tiêu môđun:

- Về kiến thức:

+ Nắm vững được các khái niệm cơ bản về phát triển cộng đồng, dự án và quản lý dự án phát triển cộng đồng

+ Trình bày các nguyên tắc làm việc với cộng đồng.

+ Nhận thức rõ vai trò của tác viên cộng đồng.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để tổ chức họp dân, huy động nguồn lực và xác định vấn đề ưu tiên;

+ Thực hành các phương pháp PRA trong cộng đồng;

+ Vận dụng kỹ năng trên để triển khai xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tính tích cực, bản thân chủ động kiến thức trong hỗ trợ cộng đồng;

+ Cảm thông với những cộng đồng đói nghèo và mong muốn cùng người dân phát huy năng lực xây dựng xã hội tốt đẹp

- Kiến thức:

+ Hiểu và nhớ được các kiến thức cơ bản về quyền con người;

+ Nhớ và giải thích được quy định của Nhà nước liên quan tới các đối tượng đặc thù.

- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức vào thực tiễn giải quyết các tình huống nhằm bảo vệ lợi ích cho các đối tượng đặc thù.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tôn trọng quyền con người, vận động bảo vệ quyền của thân chủ

Nội dung môđun:

Bài 1: Một số tìm hiểu chung về phát triển cộng đồng

Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Nắm vững khái niệm phát triển, phát triển cộng đồng và đặc điểm phát triển cộng đồng ở Việt Nam;

+ Xác định rõ mục tiêu, nguyên tắc phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng;

+ Trình bày được tiến trình phát triển của cộng đồng.

- Kỹ năng:

Vận dụng được các nguyên tắc và tuân thủ theo tiến trình trong phát triển cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tạo cơ hội cho cộng đồng tham gia và tin tưởng vào sự thay đổi của cộng đồng;

+ Rèn luyện tích cực tính chủ động, tăng cường mối quan hệ trong cộng đồng Việt Nam.

Nội dung chính

1. Khái niệm.

1.1. Khái niệm phát triển.

Phát triển là khái niệm dùng để khái quát những vận động theo chiều hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện

đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu.

Theo quan điểm của Liên Hợp Quốc (1970): “Phát triển là tạo ra những cơ hội ngày càng nhiều cho tất cả mọi người để có đời sống tốt hơn, điều thiết yếu là tăng cường và cải thiện các điều kiện cho giáo dục, sức khỏe, dinh dưỡng, nhà ở và an sinh xã hội cũng như bảo vệ môi trường”

Như vậy có thể thấy phát triển là một quá trình biến đổi về lượng và chất của một lĩnh vực, một khía cạnh nào đó trong đời sống xã hội và tự nhiên. Kết quả của quá trình ấy là sự tăng trưởng và biến đổi về chất theo xu thế tiến bộ hơn, tích cực hơn, hoàn thiện hơn.

1.2. Khái niệm phát triển cộng đồng.

1.2.1. Cộng đồng là gì?

Cộng đồng là một tập thể có tổ chức, có mối quan hệ chặt chẽ, có các đặc điểm văn hoá tương đối đồng nhất, có nhu cầu và quyền lợi gần giống nhau cùng chung sống trên một địa bàn nhất định.

Cộng đồng được xây dựng bởi các yếu tố sau:

- Cùng chung lãnh thổ, địa bàn dân cư, phường xã, mối quan hệ tương tác, giúp đỡ lẫn nhau hoặc có chung những mối quan tâm.

- Cùng chung ngành nghề, sắc tộc, tôn giáo, có thể họ ở nhiều địa bàn khác nhau nhưng có sinh hoạt chung.

Cộng đồng có thể chia làm 02 loại:

- Cộng đồng địa lý: Bao gồm những người dân cư trú trong cùng một địa bàn có thể có chung các đặc điểm văn hoá - xã hội và có thể có mối quan hệ ràng buộc với nhau. Họ cùng được áp dụng chung một hoặc nhiều chính sách. Ví dụ: Khu dân cư xóm A; Huyện B; Tỉnh C...

- Cộng đồng chức năng: Gồm những người có thể cư trú cùng một địa bàn hoặc không gần nhau nhưng có lợi ích chung. Họ liên kết với nhau trên cơ sở nghề nghiệp, sở thích, công việc... Ví dụ: Cộng đồng người Việt đang du học ở nước ngoài; Hội đồng hương tỉnh X, Y; Hội người khuyết tật...

1.2.2. Phát triển cộng đồng.

* Định nghĩa của Liên Hợp Quốc: Phát triển cộng đồng là những tiến trình qua đó nỗ lực của dân chúng kết hợp với nỗ lực của chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá của các cộng đồng và giúp các cộng đồng này hội nhập và đồng thời đóng góp vào đời sống quốc gia (*United Nations, Popular participation: Emerging Trends in Community Development. Sự tham gia của dân chúng: Những xu hướng mới trong PTCĐ, New York, 1972, tr 2*)

Theo định nghĩa này có hai nội dung chủ yếu:

- Một là sự tham gia của dân chúng với sự tự lực tối đa.
- Hai là sự hỗ trợ về kỹ thuật và các dịch vụ khác để khuyến khích sáng kiến, sự tự giúp, sự tương trợ lẫn nhau để các cố gắng của người dân có hiệu quả cao hơn. Sự hỗ trợ này được thể hiện thông qua các chương trình nhằm đem lại những cải tiến cụ thể và đa dạng.

* Định nghĩa khác: Phát triển cộng đồng là một tiến trình giải quyết một số vấn đề khó khăn, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, hướng tới sự phát triển không ngừng về đời sống vật chất, tinh thần của người dân thông qua việc nâng cao năng lực, tăng cường sự tham gia, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ giữa người dân với nhau, giữa người dân với các tổ chức và giữa các tổ chức với nhau trong khuôn khổ cộng đồng.

Như vậy có thể thấy: Phát triển cộng đồng (PTCĐ) là một khái niệm rộng chỉ mọi hoạt động của con người nhằm thúc đẩy xã hội tiến lên một cách không ngừng về đời sống vật chất cũng như tinh thần.

2. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của khoa học về phát triển cộng đồng.

2.1. Lịch sử ra đời và phát triển.

Phát triển cộng đồng được dịch từ Tiếng Anh “Community Development” xuất hiện vào những năm 1940 tại các cựu thuộc địa của Anh. Người Anh đã vận dụng lý thuyết phát triển cộng đồng vào việc cải thiện các hoạt động sống của người dân tại các khu vực thuộc địa.

Ở Ghana, người Anh đã sáng kiến để giúp người dân tự cải thiện đời sống bằng các nỗ lực chung của chính quyền và người dân địa phương như một

bên góp công, một bên góp của để đắp đường, xây dựng trường học, các công trình phúc lợi... Qua các hoạt động cho thấy các dự án cải thiện hạ tầng cơ sở theo phương thức phối hợp, huy động sự tham gia của các bên đặc biệt là người dân đã cho hiệu quả rất rõ rệt.

Kinh nghiệm ấy sau được phổ biến rộng rãi ở hầu hết các thuộc địa của Anh ở Châu Phi và Châu Á.

Năm 1950, Liên Hiệp Quốc công nhận khái niệm Phát triển cộng đồng và khuyến khích các quốc gia dùng phát triển cộng đồng như một công cụ để thực hiện các chương trình phát triển quốc gia.

Thập kỷ 1960 được Liên Hiệp Quốc chọn làm thập kỷ phát triển thứ I (The first development decade) đối với các nước chậm phát triển bằng các hoạt động phát triển cộng đồng.

2.2. Phát triển cộng đồng là một khoa học và nghệ nghiệp.

Vào những năm 1970, phát triển cộng đồng được coi là một phương pháp cơ bản của công tác xã hội, được giảng dạy ở các trường học có đào tạo nghề công tác xã hội từ bậc sơ cấp đến cho đến bậc đại học. Thời gian đào tạo từ 6 tháng đến 2 năm hoặc 4 năm. Đến nay, việc đào tạo cán sự xã hội ngành phát triển cộng đồng (tác viên phát triển cộng đồng) đã được công nhận tới bậc Tiến sĩ.

Đầu những năm 1970, tại Philippin và Ấn Độ có khoa chuyên ngành về phát triển cộng đồng trong Trường Đại học Công tác xã hội. Ngày nay, phát triển cộng đồng đã là một bộ môn khoa học riêng biệt có nội dung, phương pháp nghiên cứu, tiếp cận riêng biệt.

Phương pháp phát triển cộng đồng được vận dụng kiến thức của nhiều ngành khoa học khác nhau như triết học, xã hội học, dân tộc học, kinh tế học, tâm lý học, thống kê... làm cơ sở để xây dựng các nền tảng triết lý, các giá trị nghề nghiệp, nguyên tắc hành động cho các nhân viên xã hội làm việc với cộng đồng. Phát triển cộng đồng là ngành khoa học ứng dụng thiết thực, gần gũi với người dân trong cộng đồng.

Phát triển cộng đồng là một bộ môn khoa học xã hội ứng dụng, tập trung vào hệ thống hóa các lý thuyết phát triển cộng đồng, được xây dựng dựa trên

phương pháp luận từ dưới lên (Bottom up). Trọng tâm của phát triển cộng đồng là con người. Thông qua những nguyên tắc và phương pháp phát triển cộng đồng, để giải quyết các vấn đề xã hội của những cộng đồng nghèo, kém phát triển, bằng những thao tác kỹ thuật như xây dựng dự án, quản lý dự án, triển khai và đánh giá dự án và một số kỹ thuật nhằm tăng năng lực tự quản cho cộng đồng phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá trong thực tiễn nước ta.

2.3. Phát triển cộng đồng ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, trong quá khứ cũng như trong thời đại hiện nay, trong ngôn ngữ dân gian, thuật ngữ “cộng đồng” để chỉ tập hợp người thường được sử dụng không rộng rãi, phổ biến. Thuật ngữ “cộng đồng” được dùng phổ biến để chỉ tính chất “cố kết” của người dân, đó là sự liên kết giữa những cư dân cùng sống trong một vị trí địa lý.

Khái niệm phát triển cộng đồng được đưa vào Việt Nam từ những năm 1950 thông qua các hoạt động phát triển giáo dục ở miền Nam.

Sang những năm từ 1960 - 1970 khi ngành công tác xã hội bắt đầu phát triển thì các hoạt động phát triển cộng đồng chuyển sang các lĩnh vực xã hội khác.

Từ những năm 1980 đến nay, phát triển cộng đồng được biết đến một cách rộng rãi hơn qua các chương trình viện trợ phát triển của nước ngoài. Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế trong nhiều lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá với các mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, chăm sóc y tế, giáo dục... nhằm hỗ trợ các cộng đồng dân cư còn nhiều khó khăn như vùng nông thôn, ven biển, vùng sâu, vùng xa. Việt Nam đã có nhiều tổ chức hoạt động vì các chương trình, dự án phát triển cộng đồng như các dự án giáo dục, chăm sóc sức khỏe ban đầu, dinh dưỡng, nước, vệ sinh môi trường, tín dụng nông thôn, xoá mù chữ, phát triển hạ tầng... Bối cảnh phát triển kinh tế thị trường hiện nay cần sự đổi mới trong cách tiếp cận đó do đó những người làm công tác phát triển cộng đồng đã tập trung chú ý đến sự tham gia của người dân và coi đây là nhân tố quyết định đến sự thành công và mang lại hiệu quả bền vững.

Ở Việt Nam hiện nay, các nhà nghiên cứu và thực hành về phát triển cộng đồng đã có nhiều cơ hội để học tập, nghiên cứu, ứng dụng các lý thuyết và kinh nghiệm của mình vào thực tế phát triển xã hội, xây dựng cộng đồng phát triển lành mạnh. Hệ thống các cơ sở đào tạo, giảng dạy đã đưa phát triển cộng đồng trở thành môn học để giảng dạy cho người dân từ bậc Sơ cấp đến bậc Đại học. Một số chuyên gia về phát triển cộng đồng đã được đào tạo chuyên nghiệp, hiệu quả hơn.

3. Đặc điểm phát triển cộng đồng tại Việt Nam.

3.1. Hội Phụ nữ với phát triển cộng đồng.

3.1.1. Vài nét về hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (*Vietnam Women's Union*, viết tắt *VWU*) là một tổ chức chính trị, xã hội của phụ nữ Việt Nam, mục đích hoạt động vì sự bình đẳng, phát triển của phụ nữ. Hội có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

*** Chức năng**

- Đại diện, bảo vệ quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước;

- Đoàn kết, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động, tổ chức hướng dẫn phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*** Nhiệm vụ**

- Tuyên truyền, vận động, giáo dục phụ nữ giữ gìn, phát huy phẩm chất đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và phụ nữ Việt Nam; tổ chức, tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực về mọi mặt, tích cực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

- Tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; tham mưu, đề xuất chính sách với Đảng, Nhà nước về công tác phụ nữ nhằm tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện bình đẳng và phát triển.

- Tập hợp các tầng lớp phụ nữ, phát triển hội viên, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đa dạng các nguồn thu hợp pháp để xây dựng và phát triển quỹ Hội, hỗ trợ cho hoạt động của Hội.

- Đoàn kết, hợp tác với phụ nữ các nước, các tổ chức, cá nhân tiến bộ trong khu vực và thế giới vì bình đẳng, phát triển và hoà bình.

3.1.2. Hội Phụ nữ với phát triển cộng đồng.

Từ khi ra đời, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong công tác vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Qua các cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939 và 1939 - 1945, dưới sự lãnh đạo của Hội, phụ nữ Việt Nam đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có nhiều phong trào động viên chị em hăng hái tham gia lao động sản xuất, chiến đấu, xây dựng hậu phương vững mạnh..., điển hình như phong trào “Năm tốt”, phong trào “Ba đảm đang”. Ở miền Nam, nơi trực tiếp đương đầu với đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, nhiều chị em đã tích cực tham gia lực lượng vũ trang, giao thông liên lạc, trực tiếp đấu tranh với kẻ thù. Chia lửa với đồng bào miền Nam ruột thịt, đồng đảo chị em miền Bắc tham gia phong trào thi đua, bảo vệ và xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện cao nhất sức người, sức của cho tiền tuyến. Vượt qua mọi khó khăn, thử thách, các tầng lớp phụ nữ cả nước vươn lên lập nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu, viết tiếp trang sử vẻ vang của phụ nữ Hai Bà Trưng.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã mạnh dạn thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới cũng như nguyện vọng bức thiết của các tầng lớp phụ nữ, các cấp hội phụ nữ đã có nhiều phương thức hoạt động, vận động phụ nữ cả nước phát huy tính năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, vươn lên thực hiện tốt cả hai chức năng “giỏi việc nước, đảm việc nhà”, nhất là trong lao động sản xuất, giúp nhau xóa đói giảm nghèo với các phong trào “ngày tiết kiệm vì phụ

nữ nghèo”, “phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước”... Những năm qua đã có hàng triệu lượt phụ nữ nghèo được hướng dẫn kiến thức, kinh nghiệm làm ăn, vay vốn hàng chục nghìn tỷ đồng để xóa đói, giảm nghèo, nhiều chị em vươn lên làm kinh tế giỏi, khẳng định vai trò của mình trong gia đình, xã hội.

Hơn bao giờ hết, phụ nữ Việt Nam tiếp tục tỏ rõ năng lực và khẳng định mình, thời gian qua đại bộ phận cơ quan quản lý hành chính, sự nghiệp và doanh nghiệp trên mọi lĩnh vực, đều có sự tham gia góp mặt của “phái yếu”. Với hơn 50% dân số và gần 50% lực lượng lao động, phụ nữ tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội và giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước. Hiện có tới 33,1% đại biểu nữ trong Quốc hội khóa XII - tỷ lệ cao nhất ở châu Á và là một trong những nước có tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội cao nhất thế giới; số phụ nữ tham gia vào Hội đồng nhân dân các cấp trên 20%. Số lượng cán bộ nữ làm công tác lãnh đạo và quản lý nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở chiếm khoảng 20%; hơn 90% phụ nữ biết đọc, biết viết... Đây là những con số sinh động chứng minh những chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện cho phụ nữ Việt Nam phát triển.

3.2. Đoàn thanh niên với phát triển cộng đồng.

3.2.1. Vài nét về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, tự nguyện phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, công bằng và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đoàn phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và tổ chức xã hội, các tập thể lao động và gia đình chăm lo giáo dục, đào tạo và bảo vệ thanh thiếu nhi, tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý Nhà nước và xã hội.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đoàn kết, hợp tác bình đẳng với tổ chức thanh niên tiến bộ trên thế giới, phấn đấu vì tương lai và hạnh phúc của tuổi trẻ, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

3.2.2. Đoàn thanh niên với phát triển cộng đồng.

Trong mọi thời kỳ, thanh niên Việt Nam luôn có được vị thế quan trọng trong phong trào thanh niên khu vực và thế giới. Nếu như trong kháng chiến, phong trào thanh niên “3 sẵn sàng” và khẩu hiệu “Sẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ” đã được lịch sử dân tộc ghi nhận, bạn bè thế giới ngợi ca, thì ngày nay, các phong trào “ Thanh niên lập nghiệp”, “ Tuổi trẻ giữ nước”, “ Học vì ngày mai lập nghiệp” đã và đang thu hút đông đảo bạn trẻ tham gia.

Từ sau Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX, hai phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ Tổ quốc”, “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp” đi vào cuộc sống, vừa phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ trong phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, đảm bảo an sinh xã hội; đồng thời hỗ trợ giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của thanh niên; Các phong trào thanh niên tình nguyện, “*Khi Tổ quốc cần*”, “*Vì biên cương tổ quốc*”, “*Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả bão lũ*”, “*Bảo vệ dòng sông quê hương*”, giữ gìn trật tự an toàn và xây dựng văn hoá giao thông, xây nhà bán trú dân nuôi, hiến máu cứu người, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn... được giới trẻ hưởng ứng, được dư luận xã hội đồng tình, tin cậy; đã và đang khắc họa hình ảnh thế hệ thanh niên thời kỳ mới, luôn trung thành tuyệt đối và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao lòng yêu nước và trách nhiệm công dân, dám dấn thân, tình nguyện vì cộng đồng, đến những nơi gian khổ, đảm nhận những việc mới, việc khó với ý chí quyết tâm đưa đất nước vươn lên.

3.3. Các tổ chức dân sự xã hội khác với phát triển cộng đồng.

3.3.1. Vài nét về tổ chức dân sự xã hội tại Việt Nam.

- Khu vực xã hội (dân sự) là nơi diễn ra những nỗ lực tập thể, phong trào xã hội, hoạt động của các tổ chức xã hội, các mạng lưới xã hội. Đây cũng là nơi diễn ra những hoạt động phi lợi nhuận, vận động và tác động chính sách, phúc lợi và từ thiện, v.v. Khu vực xã hội có thể nhằm vào những hoạt động kinh tế, giáo dục, y tế, phúc lợi, thể dục thể thao, ... Khu vực này là một thể tập hợp các nỗ lực tập thể, tổ chức, phong trào, nhóm, mạng lưới. Nó là một bộ phận hợp thành hệ thống xã hội nói chung. Chưa có số liệu thống kê đầy đủ, song ước tính hiện nay số lượng hiệp hội và tổ chức xã hội (đăng ký chính thức) ở Việt Nam lên đến hàng ngàn.

*** Đặc điểm của các tổ chức dân sự xã hội:**

- Tổ chức tự nguyện do dân lập ra
- Nằm ngoài hệ thống tổ chức Nhà nước
- Hoạt động thường xuyên, tự nguyện
- Không vì lợi nhuận,

*** Các tổ chức dân sự xã hội có thể phân thành các loại sau đây:**

- Các tổ chức đoàn thể nhân dân
- Các hội xã hội, xã hội nghề nghiệp
- Các quỹ
- Các tổ chức dịch vụ ngoài công lập
- Các tổ chức câu lạc bộ, tổ chức tự nguyện không pháp nhân
- Các tổ chức tín ngưỡng
- Báo, tạp chí của các tổ chức ngoài nhà nước

*** Nguyên tắc hoạt động của các tổ chức dân sự xã hội.**

- Tự nguyện, tự quản, tự chủ
- Không vì mục tiêu lợi nhuận
- Công khai - minh bạch
- Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật
- Muốn có pháp nhân phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc đăng ký hoặc công nhận.

3.3.2. Các tổ chức dân sự xã hội với phát triển cộng đồng.

- Vai trò của các tổ chức dân sự xã hội: Góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; Đáp ứng nhu cầu của dân và thực hiện quyền lập hội do hiến pháp qui định; Là cầu nối giữa Nhà nước - nhân dân, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng cơ chế, chính sách; Tập hợp, giáo dục ý thức dân chủ, thực hành dân chủ cho hội viên, đồng viên hội viên tham gia giải quyết các vấn đề xã hội; Tổ chức cung ứng dịch vụ cho xã hội; Là lực lượng cùng tham vào giải quyết công việc của đất nước, thúc đẩy xã hội phát triển.

- Những đóng góp của các tổ chức dân sự xã hội với sự phát triển cộng đồng:

- * Hoạt động có hiệu quả được đánh giá cao
- * Tham gia một cách tích cực vào chủ trương xã hội hoá của nhà nước
- * Tích cực tham gia tư vấn phản biện và giám định xã hội
- * Mô hình tổ chức gọn nhẹ tích cực tham gia cung ứng dịch vụ cho xã hội
- * Tập hợp được nhiều các chuyên gia đầu ngành
- * Gắn với cơ sở nên dự án sát thực tiễn có hiệu quả
- * Có quan hệ tốt với các tổ chức quốc tế, tranh thủ được sự hỗ trợ về kinh phí cũng như kinh nghiệm hoạt động
- * Có quan hệ tốt với các cơ quan nhà nước.

4. Quan điểm, nguyên tắc hành động trong phát triển cộng đồng.

4.1. Quan điểm, định hướng trong phát triển cộng đồng.

4.1.1. Lấy dân làm gốc

Phát triển cộng đồng có căn cứ xuất phát là từ nhu cầu chính đáng của người dân. Người dân phải tự ý thức và tự bảo vệ quyền lợi của chính họ. Người dân phải tự phát hiện và bộc lộ nhu cầu, nguyện vọng của mình trong các hoạt động phát triển cộng đồng.

Các hoạt động phát triển cộng đồng phải xuất phát từ kinh nghiệm của người dân, phải phù hợp với văn hoá, phong tục, tập quán địa phương, phải phù hợp với lợi ích của dân đặc biệt là những nhóm người yếu thế.

Sự tham gia của người dân trong phát triển cộng đồng là yêu cầu cơ bản của phát triển cộng đồng. Chính quyền đóng vai trò trụ cột để hỗ trợ người dân.

Chính quyền là nhân tố bên trong chứ không phải lực lượng đứng ngoài hoặc đứng trên cộng đồng trong mọi hoạt động phát triển.

4.1.2. Phát triển bền vững

Các hoạt động phát triển cộng đồng nhằm mục đích tạo được sự chuyển biến các mặt của đời sống xã hội như thay đổi về nhận thức, hành vi của người dân, cơ cấu tổ chức xã hội, các mối tương quan lực lượng trong cộng đồng do vậy cần quan tâm đến yếu tố phát triển bền vững.

Phát triển cộng đồng phải đồng bộ trên mọi khía cạnh của đời sống xã hội, các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội cùng phải tác động, hỗ trợ để cùng nhau nâng lên các chỉ số phát triển xã hội.

Phát triển phải gắn liền với việc đảm bảo an sinh xã hội cho nhóm người yếu thế trong cộng đồng. Các chương trình phát triển phải tính toán, ưu tiên và phải nằm trong chiến lược phát triển quốc gia một cách đúng đắn.

4.1.3. Tăng năng lực và quyền lực cho người dân

Phát triển cộng đồng phải cung cấp những kiến thức, kỹ năng và tạo nhiều cơ hội cho người dân hoàn thiện và nâng cao năng lực để hành động. Cần phải có xu thế liên kết người dân theo cùng xu thế, chí hướng, quyền lợi để tạo ra và tăng quyền lực chung cho cả cộng đồng để người dân giải quyết tốt hơn các vấn đề theo thẩm quyền của họ.

4.1.4. Nghiên cứu, vận dụng phù hợp với thực tiễn.

Phát triển cộng đồng gắn liền với việc nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn sẽ tạo nền tảng cho việc triển khai các chương trình, dự án để các chương trình, dự án phát huy tác dụng để đạt mục tiêu phát triển cộng đồng.

4.2. Mục tiêu của phát triển cộng đồng.

4.2.1. Mục đích của phát triển cộng đồng

Trọng tâm của phát triển cộng đồng là CON NGƯỜI và PHÁT TRIỂN là phát triển CON NGƯỜI vì CON NGƯỜI. Điều này có nghĩa thước đo của phát triển là sự thể hiện tiềm năng và khả năng của con người để làm chủ môi trường của mình. Vì thế các mục đích chính của phát triển cộng đồng là:

- Tạo ra những chuyển biến xã hội để đạt đến một sự cải thiện cân bằng về vật chất và tinh thần.

- Củng cố các thiết chế để tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển biến xã hội và sự tăng trưởng.

- Bảo đảm sự tham gia tối đa của người dân vào tiến trình phát triển.

- Đẩy mạnh công bằng xã hội bằng cách tạo điều kiện cho các nhóm thiệt thòi nhất nêu lên nguyện vọng của mình và tham gia vào các hoạt động phát triển.

4.2.2. Ý nghĩa của phát triển cộng đồng.

- Giúp người dân nhận thức được các vấn đề của cộng đồng và các vấn đề của chính họ.

- Giúp người dân được tham gia vào các hoạt động phát triển một cách tích cực, giúp họ nhận thức được các giá trị, niềm tin vào khả năng của họ.

- Huy động được mọi tiềm năng của các cơ quan, tổ chức, người dân, tài nguyên trong cộng đồng để cải thiện mọi mặt đời sống của họ.

- Tăng cường mối liên kết, đoàn kết trong cộng đồng vì mục đích của phát triển cộng đồng.

- Là cơ sở để thu hút nguồn hỗ trợ từ bên ngoài và góp phần cải thiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội cho phù hợp với điều kiện thực tế của cộng đồng.

- Phát triển cộng đồng tạo ra nhiều bài học kinh nghiệm cũng như nhận được những phản hồi từ cộng đồng giúp cho Nhà nước hoạch định, ban hành và điều chỉnh các chính sách an sinh xã hội cho phù hợp với các điều kiện thực tế.

4.3. Nguyên tắc hành động trong phát triển cộng đồng.

4.3.1. Bắt đầu từ nhu cầu, tài nguyên và khả năng của người dân: Cần chú ý đôi khi nhu cầu của người dân rất khác với nhu cầu của nhà tài trợ, hoặc của chính quyền địa phương chẳng hạn cộng đồng đang cần nước sạch, nhưng dự án chỉ xây dựng các trụ sở hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời nên vận dụng những gì có sẵn trong cộng đồng thí dụ các vật liệu như gỗ, tranh, tre, và tay nghề của người dân trong cộng đồng để dựng một lớp học, đào giếng..

4.3.2. Đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm bức xúc hiện tại của họ: Cộng đồng nghèo có nhiều vấn đề cần cải thiện, nhưng phải chọn vấn đề ưu tiên để giải quyết và đáp ứng trước, không nên làm nhiều việc cùng một lúc.

4.3.3. Tin tưởng vào dân, vào khả năng thay đổi và phát triển của họ: Người dân dù nghèo hoặc khó khăn nhưng họ đều có óc sáng tạo và tính gẫn bó, mong muốn thay đổi cuộc sống cộng đồng tốt hơn. Thí dụ, một phụ nữ lớn tuổi, không biết chữ, đi bán vé số nhưng nếu được hướng dẫn thì bà có thể trở thành một nhóm trưởng quản lý tốt một nhóm tiết kiệm - tín dụng.

4.3.4. Dân chủ: Khuyến khích người dân cùng thảo luận, lấy quyết định chung, hành động chung để họ đồng hóa mình với những chương trình hành động. Điều này nhằm xây dựng, củng cố năng lực cộng đồng, đồng thời giúp cộng đồng làm chủ những hoạt động của mình ngay từ đầu tiến trình giải quyết vấn đề.

4.3.5. Bắt đầu từ những hoạt động nhỏ để dẫn đến các thành công nhỏ: Thí dụ thực hiện tráng một con hẻm khoảng vài chục mét, thành lập những nhóm tiết kiệm với số thành viên khoảng 5-7 người/nhóm, phát vay tín dụng với số vốn vừa phải khoảng vài trăm ngàn cho một thành viên. Với những hoạt động nhỏ, người dân được tập dần cách điều hành và quản lý các hoạt động để đạt được thành công.

4.3.6. Vận động thành lập nhóm nhỏ để thực hiện dự án: Đây không chỉ để giải quyết được một vấn đề cụ thể, mà còn để củng cố, làm vững mạnh tổ chức tự nguyện của người dân. Để phát huy hành động chung trong cộng đồng, tất cả các hoạt động nên thông qua hình thức nhóm nhỏ, khoảng 7-10 thành viên/một nhóm. Ví dụ Ban đại diện cộng đồng, nhóm phụ nữ có con dưới 5 tuổi, nhóm thiếu niên bảo vệ môi trường, nhóm tiểu thương,..

4.3.7. Cung cấp nhiều cơ hội để người dân tương trợ lẫn nhau và phát sinh các hoạt động chung: Qua đó các thành viên vừa đạt được cảm xúc tự hoàn thành nhiệm vụ vừa góp phần cải thiện an sinh cho nhóm. Cả hai điều này đều quan trọng như nhau. Ví dụ phân công những người có tay nghề sẽ hướng dẫn những người học nghề trong một nhóm, hoặc tổ chức các buổi họp để người dân cùng bàn cách giúp đỡ những người già neo đơn, hoặc phụ nữ đơn thân trong cộng đồng.

4.3.8. Quy trình “Hành động - Suy ngẫm rút kinh nghiệm - Hành động mới” cần áp dụng để tiến đến những chương trình hành động chung lớn hơn, trình độ quản lý cao hơn. Bất kỳ hoạt động nào cũng nên áp dụng quy trình này, cho dù là tổ

chức một buổi sinh hoạt dã ngoại cho trẻ em, hay ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất, hoặc làm một công trình như xây một cầu khỉ và thực hiện một dự án tổng hợp...

4.3.9. Điều hành có hiệu quả, giải quyết mâu thuẫn theo nhóm: Đây là dịp để tổ chức nhóm trưởng thành. Không tránh né những mâu thuẫn vì điều này rất thường xảy ra với tổ chức nhóm nhiều người. Việc cùng nhau giải quyết thành công những vấn đề xảy ra trong nhóm sẽ giúp các thành viên nhóm hiểu nhau hơn, và nhóm sẽ có những bài học quý báu, đồng thời tăng kỹ năng quản lý, tổ chức.

4.3.10. Thiết lập mối liên kết với các tổ chức khác để có thêm hỗ trợ và hợp tác với nhau: Phương pháp này được gọi là “tạo mạng lưới” (net - working), thí dụ liên kết giữa những nhóm trong cộng đồng như nhóm giáo dục xoá mù chữ; nhóm truyền thông môi trường; nhóm chăn nuôi, trồng trọt; nhóm thể thao, văn nghệ. Hoặc liên kết với các nhóm khác ngoài cộng đồng như các nhóm tiết kiệm-tín dụng của cộng đồng X sẽ liên kết với cộng đồng Y để tạo thành các cụm hoặc trung tâm;..Việc liên kết này sẽ tạo thêm hiệu quả, sức mạnh vì các nhóm có thể trao đổi, sử dụng nguồn lực của nhau. Đồng thời tăng thêm tiếng nói cho các cộng đồng, nếu có vấn đề cần đề xuất, ngay cả chính sách.

5. Giới và phát triển trong phát triển cộng đồng.

5.1. Nguyên tắc và thực hành Giới trong phát triển cộng đồng.

5.1.1. Khái niệm Giới, Giới tính.

- Giới tính là thuật ngữ chỉ sự khác nhau giữa Nam và Nữ về mặt sinh học. Con người mới sinh ra đã có những đặc điểm về giới tính. Giới tính thể hiện tính ổn định, bất biến.

- Giới là mối quan hệ và tương quan giữa địa vị xã hội của nữ giới và nam giới trong một bối cảnh cụ thể. Nghĩa là giới nói lên vai trò, trách nhiệm và quyền lợi mà xã hội quy định cho nam và nữ; bao gồm việc phân công lao động và phân chia các nguồn lợi ích cá nhân.

- Do được quy định bởi các yếu tố xã hội nên giới và các quan hệ của giới không giống nhau và không mang tính bất biến.

5.1.2. Phụ nữ có đóng góp cho phát triển cộng đồng ở Việt Nam